| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẾN CẦU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

- Ông Trần Hùng Dũng;
- Ông Lê Văn Rẽn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thảo Nguyên- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Huỳnh N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Long T, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh.

*2. Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Long T, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh.

*Chị N và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- chị Dương Thị Huỳnh N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân năm 2017, có tổ chức lễ cưới, đến ngày 03/4/2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc lúc đầu, thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng trong cư xử cuộc sống hàng ngày về tiền bạc nên không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Trong các lần mâu thuẫn, anh T xúc phạm, hâm dọa và hành động muốn đánh chị, cuộc sống hôn nhân kéo dài đến ngày 20/5/2020 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn , chị về nhà cha mẹ ruột ở và ly thân đến nay. Từ ngày ly thân, chị và anh T không có giải pháp đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Chị và anh T chung sống có 01 người con chung tên Phan Thanh Q, sinh ngày 04/11/2017, hiện còn nhỏ và đang ở chung với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N trình bày không có.

*Bị đơn- anh Phan Văn T có đơn xin vắng mặt, Nng trong biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 7 và 27 tháng 8 năm 2020 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống đăng ký kết hôn N chị N trình bày. Trong thời gian chung sống, anh và chị N có xãy ra mâu thuẫn do chị N đi làm giao xe cho bạn làm chung chạy, không có xe về nhà và điện thoại kêu anh đi rước nên xảy ra mâu thuẫn, gây gỗ nhau và không có tiếng nói chung, ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Thời gian ly thân, anh và chị N được hai bên gia đình hòa giải Nng chị N không đồng ý đoàn tụ. Do anh còn thương yêu chị N nên xin thời gian suy nghĩ, không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, đến ngày 27/8/2020 anh T thay đổi ý kiến, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N chung sống có 01 người con chung tên Phan Thanh Q, sinh ngày 04/11/2017, hiện còn nhỏ và đang ở chung với chị N. Nay ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung, do con chung còn nhỏ, nên anh đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày không có.

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị Huỳnh N, chị N được quyền ly hôn với anh Phan Văn T. Về con chung giao con chung tên Phan Thanh Q sinh ngày 04/11/2017 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu anh T có nghĩa vụ nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung chị N và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung chị N và anh T trình bày không có nên không đưa ra xem xét. Về án phí chị N phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn anh Phan Văn T có địa chỉ ấp Long H, xã Long T, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị N và bị đơn anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa ra xét xử vắng mặt chị N và anh T quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03 tháng 4 năm 2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị tự nguyện chung sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến tháng 5 năm 2020, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cư xử hàng ngày, không có tiếng nói chung và ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị N và anh T được hai bên gia đình hòa giải, Nng không có giải pháp đoàn tụ. Chị N yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý đều phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có một người con chung tên Phan Thanh Q sinh ngày 04/11/2017, chị N đang nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu Q, lời khai anh T thống nhất giao cháu Q cho chị N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị N và anh T đã thống nhất giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bởi vì, cháu Phan Thanh Q còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo nhu cầu về vật chất, tinh thần, tâm sinh lý đứa trẻ và quyền lợi của con chung nên giao cháu Q cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết, phù hợp theo qui định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chị N không có yêu cầu, dù Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho chị N nghe nhưng chị vẫn giữ nguyên ý kiến. Do đó, ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có, nên không xem xét.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị Huỳnh N. Chị N được ly hôn với anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thanh Q sinh ngày 04- 11- 2017 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có, nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Dương Thị Huỳnh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0014297 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Chị N đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Anh Phan Văn T không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Anh T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã Long Thuận huyện Bến Cầu nơi anh T cư trú.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Hoàng Mai**